

Bản án số: 72/2026/HS-ST
Ngày 13-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Anh Dũng;
- Bà Phạm Đỗ Huệ Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Văn C, sinh ngày 13/7/19.. tại Cà Mau; căn cước công dân số: N; nơi cư trú: Ấp Trường Đ, xã Đông H, tỉnh Cà Mau; tạm trú: khu phố Phước C, phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thúy Ng, sinh năm 1977; vợ tên Trần Thị Mộng Ng, sinh năm 2000; có 01 người con sinh năm 2022. Tiền sự, tiền án: Không.

Ngày 28/10/2020, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Ngày 25/8/2025, bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Yến T, sinh năm 2001; căn cước công dân số: M; nơi cư trú: Khu phố T, phường Tân U, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10/2020, bà Nguyễn Thị Yến T, có nhu cầu cần vay vốn ngân hàng và nhận được tờ rơi trước cổng Công ty TNHH T thuộc phường Tân U, Thành phố Hồ Chí Minh nên T có liên hệ với Phạm Văn C thông qua số điện thoại ghi tên tờ rơi để được hướng dẫn cách vay vốn ngân hàng. Sau đó, bà T được C hướng dẫn, hoàn tất hồ sơ thủ tục vay vốn tại Công ty tài chính M và được Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh B, phòng giao dịch U đồng ý cho vay số tiền 40.000.000 đồng. Theo thỏa thuận giao dịch, số tiền vay nêu trên sẽ được ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thẻ ATM số S do bà Nguyễn Thị Yến T đứng tên.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/10/2020, bà T được C chở đến Bưu điện Tân B để ký hồ sơ nhận tiền. Sau khi ký giấy, C chở bà T về nhà của bà T tại địa chỉ tổ H, khu phố T, phường Uyên H, thành phố U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân U, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại nhà bà T, C yêu cầu bà T đưa chứng minh nhân dân và thẻ ATM (có mã pin, mật khẩu được bà T viết sẵn trên thẻ) cho C để chụp hình. Sau khi chụp hình xong, C bỏ thẻ ATM, chứng minh nhân dân kẹp trong sổ hộ khẩu của T để trên bàn tại vị trí C nằm trên võng. Trong lúc trò chuyện, khi biết bà T học hết lớp 12 thì C nói sẽ giới thiệu bà T vào làm ở ngân hàng và yêu cầu bà T cung cấp các bằng tốt nghiệp nên bà T vào phòng trong lấy các bằng cấp ra cho C xem. Lúc này, C nhìn thấy thẻ ATM của bà T có ghi mật khẩu trên thẻ nên C nảy sinh ý định lấy thẻ của bà T đi rút tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, C lén lút lấy trộm thẻ ATM của bà T bỏ vào túi quần rồi ra về. Sau đó, C điều khiển xe mô tô đi xung quanh khu vực gần nhà T tìm trụ ATM để vào rút tiền. Tại vị trí trụ ATM đầu tiên từ ngoài vào trong của Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch U, C cho thẻ ATM vào trụ và bấm mã pin, mật khẩu thẻ rồi thực hiện thao tác rút tiền tổng cộng 08 lần với tổng số tiền rút là 40.000.000 đồng, mỗi lần rút tối đa 5.000.000 đồng. Sau khi rút hết tiền, C mang về tiêu xài cá nhân đến hết. Khi phát hiện mất thẻ ATM, bà T đã liên hệ hỏi C có lấy thẻ ATM không thì C nói không có lấy thẻ ATM của bà T. Sau đó, bà T liên hệ ngân hàng hỏi về số tiền vay trong thẻ ATM, thì bà T biết được số tiền 40.000.000 đồng bà T vay để trong thẻ đã được rút hết nên bà T đến Công an phường Uyên H (nay là Công an phường Tân U) trình báo vụ việc. Sau khi tiếp nhận tin báo Công an phường Uyên H đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành truy tìm, xác minh và mời Phạm Văn C về trụ sở để làm việc. Đến ngày 13/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành mời C về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Phạm Văn C khai nhận hành vi lấy thẻ ATM của bà T, sau đó đi đến

trụ ATM của Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch U rút số tiền 40.000.000 đồng của bà T. Sau khi chiếm đoạt số tiền của bà T thì C nghỉ làm việc tại Công ty tài chính M và ngắt liên lạc với bà T cho đến nay.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Yến T yêu cầu Phạm Văn C bồi thường tổng số tiền 68.000.000 đồng (nợ gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi phải trả ngân hàng là 28.000.000 đồng). Phạm Văn C đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 100/CT-VKSKV17 ngày 23/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Yến T yêu cầu bị cáo Phạm Văn C bồi thường tổng số tiền 68.000.000 đồng (nợ gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi phải trả ngân hàng là 28.000.000 đồng), bị cáo C đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 58.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, vụ việc xảy ra ngày

28/10/2020, đến ngày 25/8/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mới khởi tố vụ án hình sự là vi phạm thời hạn điều tra theo quy định tại Điều 172 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với những chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 28/10/2020, tại khu phố T, phường Tân U, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Văn C đã lén lút chiếm đoạt 01 thẻ ATM có ghi sẵn mã pin - mật khẩu trên thẻ của bà Nguyễn Thị Yến T, sau đó C đi đến trụ ATM trước Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch U thuộc địa bàn phường Tân U, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện các thao tác đưa thẻ ATM vào trụ, nhập mật khẩu và tiến hành rút tổng số tiền 40.000.000 đồng để tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng thẻ ngân hàng của người khác để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, vì động cơ tư lợi, coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó, đối với hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Yến T yêu cầu bị cáo Phạm Văn C bồi thường tổng số tiền 68.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phải trả ngân hàng là 28.000.000 đồng, bị cáo C đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng

ý tiếp tục bồi thường cho bị hại T số tiền 58.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-NDTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Buộc bị cáo Phạm Văn C bồi thường cho bà Nguyễn Thị Yến T số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- PV06, Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hạnh

